

Số: ~~1131~~ /2019/BC-SHS

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội Danh mục chứng khoán HNX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 11/2019 như sau:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAV		AMV	AAV
2	ACB			ACB
3	ART			AMV
4	BCC			ART
5	BPC			BCC
6	BTS			BPC
7	BVS			BTS
8	C69			BVS
9	CAP			C69
10	CEO			CAP
11	CIA			CEO
12	CPC			CIA
13	DAD			CPC
14	DAE			DAD
15	DBT			DAE
16	DGC			DBT
17	DHP			DGC
18	DHT			DHP
19	DNP			DHT
20	DP3			DNP
21	DS3			DP3
22	DTD			DS3
23	DXP			DTD
24	EBS			DXP
25	EID			EBS
26	GMX			EID
27	HAT			GMX
28	HCC			HAT



STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ cuối tháng
29	HDA			HCC
30	HHC			HDA
31	HHG			HHC
32	HHP			HHG
33	HJS			HHP
34	HLC			HJS
35	HLD			HLC
36	HMH			HLD
37	HOM			HMH
38	HTC			HOM
39	HVT			HTC
40	ICG			HVT
41	IDV			ICG
42	INN			IDV
43	ITQ			INN
44	KLF			ITQ
45	KVC			KLF
46	L14			KVC
47	LAS			L14
48	LHC			LAS
49	LIG			LHC
50	MAC			LIG
51	MAS			MAC
52	MBS			MAS
53	MCC			MBS
54	NAG			MCC
55	NBC			NAG
56	NDN			NBC
57	NET			NDN
58	NHA			NET
59	NTP			NHA
60	NVB			NTP
61	ONE			NVB
62	PBP			ONE
63	PCE			PBP
64	PDB			PCE
65	PGS			PDB
66	PLC			PGS
67	PMC			PLC
68	PMS			PMC

4G
 PH
 G K
 I G
 A N
 EM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
69	PPS			PMS
70	PSD			PPS
71	PSE			PSD
72	PTI			PSE
73	PVC			PTI
74	PVG			PVC
75	PVI			PVG
76	PVS			PVI
77	QHD			PVS
78	QTC			QHD
79	RCL			QTC
80	S55			RCL
81	S99			S55
82	SD4			S99
83	SD5			SD4
84	SD9			SD5
85	SDT			SD9
86	SEB			SDT
87	SED			SEB
88	SFN			SED
89	SGC			SFN
90	SHB			SGC
91	SHN			SHB
92	SJE			SHN
93	SLS			SJE
94	TA9			SLS
95	TC6			TA9
96	TDN			TC6
97	TDT			TDN
98	THT			TDT
99	TIG			THT
100	TNG			TIG
101	TPP			TNG
102	TTC			TPP
103	TTH			TTC
104	TTT			TTH
105	TVC			TTT
106	VC2			TVC
107	VC3			VC2
108	VC7			VC3

